

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7- 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

Ngày 21/7/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Vân Đ, sinh ngày 07/11/1980;

Giấy Căn cước công dân số: 036180012579 Cấp ngày: 07/8/2022

Địa chỉ: Số E, đường K, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;

Giấy Căn cước công dân số: 036082001475 Cấp ngày: 04/12/2022

Địa chỉ: Thôn N, xã Ý, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị Đ, anh T (Chị Đ có đề nghị giải quyết vắng mặt; anh T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị Vân Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 05/7/2006. Sau kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra bất đồng, nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và

anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Lan H, sinh ngày 27/7/2007; Nguyễn Dương Đức M, sinh ngày 30/7/2009 và Nguyễn Dương Bảo N, sinh ngày 13/3/2018. Chị Đ có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung, tuy nhiên anh T cũng có nguyện vọng nuôi con nên chị có quan điểm xin nuôi dưỡng cháu H và cháu N, để anh T nuôi dưỡng cháu M, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh Nguyễn Văn T đến làm việc, anh T cho biết: Anh và chị Dương Thị Vân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 05/7/2006. Anh xác định giữa anh và chị Đ không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, do vậy anh không đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có 03 con chung là Nguyễn Lan H, sinh ngày 27/7/2007; Nguyễn Dương Đức M, sinh ngày 30/7/2009 và Nguyễn Dương Bảo N, sinh ngày 13/3/2018. Anh xin nuôi dưỡng cháu M và cháu N, để chị Đ nuôi dưỡng cháu H. Anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 27/7/2007; Nguyễn Dương Đức M, sinh ngày 30/7/2009 và Nguyễn Dương Bảo N, sinh ngày 13/3/2018 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng chị Dương Thị Vân Đ.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại buổi làm việc chị Đ có đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị Đ có đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Anh T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị Đ đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn N, xã Ý, tỉnh Ninh Bình nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Vân Đ và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/7/2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ, nay là phường N, tỉnh Ninh Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh T. Về phía anh T, mặc dù anh xác định giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, không mong muốn việc ly hôn do vậy anh không đồng ý ly hôn với chị Đ nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng không tìm ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị Đ, chị Đ giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Khi được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng chị Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh, chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị Đ, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Đ và anh T có 03 con chung là Nguyễn Lan H, sinh ngày 27/7/2007; Nguyễn Dương Đức M, sinh ngày 30/7/2009 và Nguyễn Dương Bảo N, sinh ngày 13/3/2018. Chị Đ, anh T cùng có nguyện vọng xin nuôi dưỡng con chung và không thỏa thuận được với nhau. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Vì vậy, nguyện vọng xin được nuôi con sau khi ly hôn của chị Đ, anh T đều là nguyện

vọng chính đáng. Hiện nay, chị Đ đang làm tại Trung tâm khuyến nông - Sở N1 (nay là Trung tâm khuyến nông và xúc tiến thương mại tỉnh N) với mức thu nhập 9.047.376 đồng/tháng; anh T hiện đang làm tại Công ty cổ phần D địa chỉ khu công nghiệp B, huyện V, tỉnh Nam Định (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình) với mức thu nhập 20.000.000 đồng/tháng. Xét về điều kiện thực tế, cả chị Đ và anh T đều có chỗ ở, có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, hiện nay anh T sức khỏe không được tốt, đang phải điều trị bệnh ung thư dạ dày, hơn nữa anh, chị có 03 con chung hiện đều đang dưới 18 tuổi, cần phải giao cho bố mẹ để chăm sóc, nuôi dưỡng. Để san sẻ trách nhiệm của cha mẹ với con chung, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung, cũng như sự phát triển tâm sinh lý trong quá trình trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cháu Nguyễn Lan H, cháu Nguyễn Dương Bảo N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cháu Nguyễn Dương Đức M cho anh T nuôi dưỡng để con chung được phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ, anh T về việc không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Đ, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Dương Thị Vân Đ và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Lan H, sinh ngày 27/7/2007 và cháu Nguyễn Dương Bảo N, sinh ngày 13/3/2018 cho chị Dương Thị Vân Đ

trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cháu Nguyễn Dương Đức M, sinh ngày 30/7/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh, chị không yêu cầu giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Dương Thị Vân Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001588, ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Dương Thị Vân Đ, anh Nguyễn Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8 - Ninh Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích